

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 127/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2018
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LƯƠNG NGỌC YẾN ANH

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông NGÔ TIẾN THÀNH

2. Bà NGUYỄN THỊ TỈNH

- Thư ký phiên tòa: Bà HOÀNG HÀ TUYỀN – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà LÊ ÁNH DƯƠNG – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 477/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Đào Thị Ngọc T** - Sinh năm: 1970

Nơi ĐKNKTT: Ô 12 Hòn R, xã Phước Đ, thành phố T, tỉnh K.

Chỗ ở hiện nay: Hẻm Cắt K, đường 2/4, phường Vạn T, thành phố T, tỉnh K.

Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T** - Sinh năm: 1975

Địa chỉ: 71/27 Trần P, phường Vĩnh N, thành phố T, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc T trình bày:*

Tôi và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, đến năm 2000 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh N, thành phố T. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh T hay ghen tuông vô cớ, ăn nhậu say sưa rồi về chửi mắng vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Tôi và anh T đã không sống chung 03 năm nay, tôi và con đã ra sống riêng, còn anh T thì về nhà của cha anh T ở 71/27 Trần P, phường Vĩnh N, thành phố T sinh sống. Tôi không còn tình cảm gì với anh T nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều M – sinh ngày 28/5/1999, cháu M đã trưởng thành nên tôi không có yêu cầu gì.

Tài sản chung và nợ chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại Tòa, nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh N, thành phố T; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121/2000, quyển số 01/2000, cấp ngày 02/11/2000. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đào Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T không hạnh phúc do ông Tài vô trách nhiệm với gia đình, thường xuyên rượu chè và ghen tuông vô cớ. Hai người đã tự sống ly thân được 03 năm nay, bỏ mặc và không quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay, bà T khẳng định không còn tình cảm với ông T nên xin ly hôn. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn T nhưng tại các buổi hòa giải cũng như tại các phiên tòa, ông Tài không có mặt để tham gia tố tụng, cho thấy ông T không có thiện chí trong việc mong muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Như vậy, mục đích hôn nhân của bà T và ông T không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc T khai có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều M – sinh ngày 28/5/1999, cháu M đã trưởng thành nên bà Trang không có yêu cầu gì.

Xét cháu Kiều M đã trưởng thành và nguyên đơn không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc T không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[5] Án phí: Nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Kiều M – sinh ngày 28/5/1999, đã trưởng thành và nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Đào Thị Ngọc T không có yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

4. Án phí: Bà Đào Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0008794 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Bà Đào Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí.

5. Quy định:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bà Đào Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. T
- Đương sự
- THADS Tp. T
- TAND tỉnh K
- UBND phường Vĩnh N, tp. T.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Yến Anh